

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1149/GPMT-UBND

Bắc Yên, ngày 30 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án: Trạm Phiêng Ban - Chi nhánh cấp nước Bắc Yên, Tiểu khu III,
thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC YÊN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần cấp
nước Sơn La tại Công văn số 303/CV-CNSL ngày 02/5/2024 của Công ty cổ
phần cấp nước Sơn La về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Trạm cấp
nước Phiêng Ban – Chi nhánh cấp nước Bắc Yên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
81/TTr-TNMT ngày 23/5/2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La, địa chỉ: Số 55,
đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La được
thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Trạm Phiêng Ban - Chi
nhánh cấp nước Bắc Yên, Tiểu khu III, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, với
các nội dung:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở, dự án đầu tư: Trạm Phiêng Ban - Chi nhánh cấp nước Bắc
Yên, Tiểu khu III, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu 3, Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh
Sơn La.

1.3. Mã số thuế: 5500154649 đăng ký lần đầu ngày 18/4/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/01/2021 do phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước và cung cấp nước sạch; Tăng cường an ninh cấp nước trên địa bàn huyện Bắc Yên và các khu vực dân cư, vùng lân cận, dịch vụ dọc trục Quốc lộ 37.

1.5. Phạm vi quy mô, công suất

- Diện tích sử dụng đất: 2.111,22 m². Dự án không sử dụng đất rừng phòng hộ, tổng diện tích thực hiện dự án sau khi điều chỉnh giảm không quá 10% so với Quyết định chủ trương đầu tư số: 57/QĐ-UBND, ngày 12/01/2024.

- Công suất: 1.300 m³/ngày đêm

- Quy mô: Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần cấp nước Sơn La có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 30 tháng 5 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công an huyện, UBND các xã: Tà Xùa, Phiêng Ban, Thị trấn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND huyện (BC);
- Như Điều 4;
- Phòng Văn hóa và Thông tin (công bố);
- Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- Lưu: VT, 10b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Phụng

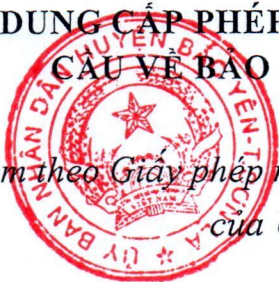


Handwritten text in red ink, possibly a signature or date, located in the lower right area of the page.

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU
CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1149/GPMT-UBND ngày 30/5/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Các nguồn phát sinh nước thải của Trạm Phiêng Ban bao gồm:

- Nguồn 01: Nước thải sản xuất.
- Nguồn 02: Nước thải sinh hoạt.

2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Nguồn số 01: Lưu lượng xả tối đa 37 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Lưu lượng xả tối đa 0,08 m³/ngày.

3. Dòng nước thải*1.3.1. Nước thải sinh hoạt*

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn 5 m³ (đặt dưới khu nhà vệ sinh) tại khu vực nhà trực, sau đó được dẫn theo ống dẫn nước thải PVC D110 chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

1.3.2. Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất được thu gom vào bể lắng để xử lý. Bể xử lý nước thải sản xuất gồm 3 ngăn, kích thước 6m x 3m x 2,5m. Với bể lắng nước thải sản xuất các tấm ngăn được đặt thích hợp có vai trò tách các chất rắn lơ lửng trong nước, các chất khác được lắng xuống khoang chứa bùn và phân hủy sinh học. Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn theo đường ống gang D200 xả thải ra khu vực thoát nước chung của khu vực điểm tiếp nhận là kênh thoát nước chung, tiểu khu III thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên.

4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*4.1. Nước thải sinh hoạt*

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo từng dòng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không

vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B - $C_{\max}$ với $K = 1,2$; Đối với các thông số pH, Tổng Coliforms áp dụng $C_{\max} = C$.

Bảng 5.1. Giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT cột B - $C_{\max}$
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

4.2. Nước thải sản xuất

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo từng dòng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. $C_{\max}$ là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Giá trị C được áp dụng tại cột A để làm cơ sở tính toán. $K_q = 0,9$. Khi nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương. ($K_f = 1,2$ Lưu lượng nguồn thải $F \leq 50$). Đối với thông số màu, pH, coliform $C_{\max} = C$.

Bảng 5.1. Giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải công nghiệp

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN40:2011/BTNMT Cột B - $C_{\max}$
1	Màu	Pt/Co	162
2	pH	-	5,5-9

3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54
4	COD	mg/l	162
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
6	Asen	mg/l	0,108
7	Đồng	mg/l	2,16
8	Kẽm	mg/l	3,24
9	Niken	mg/l	0,54
10	Mangan	mg/l	1,08
11	Sắt	mg/l	5,4
12	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
13	Tổng nitơ	mg/l	43,2
14	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,48
15	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000

5. Vị trí, phương thức xả nước thải

5.1. Nước thải sinh hoạt

- Vị trí xả nước thải: Sau bể tự hoại, xả vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

5.2. Nước thải sản xuất

- Vị trí xả nước thải: Sau hệ thống xử lý nước thải của Trạm Phiêng Ban , xả vào kênh thoát nước chung, tiểu khu III thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên. Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 104⁰, múi chiều 3⁰): X=2350489; Y=544728.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: 6-20 giờ/ngày.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thoát nước mưa của trạm được xây dựng riêng biệt với nước thải, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Thoát nước trên các mái nhà bằng các ống thu nước mái xuống rãnh thoát nước ngoài nhà; chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực, chạy dọc tuyến đường nội bộ trong khu quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong làm việc tại Trạm cấp nước Bắc Yên, được thu gom ngay tại khu nhà vệ sinh và đưa vào hệ thống bể phốt 3 ngăn qua các hệ thống ống dẫn D110 để xử lý sơ bộ, sau đó được chảy qua đường ống D110 thải vào hệ thống XLNT theo phương thức tự chảy

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

+ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn thể tích $V=5m^3$ để giảm bớt nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải, sau đó dẫn ra rãnh thoát nước chung của khu vực đổ ra môi trường: Bể được xây dựng bằng gạch đặc 75# + VXM M50; trát trong thành và đáy bể bằng VXM M75 dày 25 mm, móng bể được đầm chặt $K>9$ đổ bê tông + đá 1x2, lát VXM M200. Nắp bể BTCT M200 sử dụng thép $\Phi 6$. Bên trong bể được chia thành 03 ngăn với ngăn đầu tiên là ngăn chứa có dung tích chiếm 50-70% dung tích toàn bể; ngăn thứ 2 và ngăn thứ 3 chiếm khoảng 25% dung tích toàn bể.

+ Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Không

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

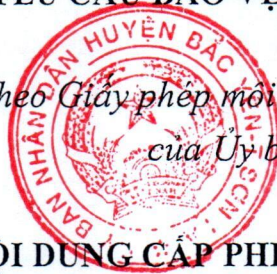
- Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất. Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra ngoài môi trường.

3.3. Công ty cổ phần cấp nước Sơn La chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, nguồn nước.

Phụ lục 2

**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 141/GPMT-UBND ngày 30/5/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Không.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện ra vào khu vực cơ sở**

Mật độ giao thông, các phương tiện ra vào cơ sở không lớn nên bụi phát sinh từ hoạt động này chủ yếu ảnh hưởng đến cán bộ, công nhân viên trực tiếp làm việc tại Trạm cấp nước. Vì vậy chủ cơ sở thực hiện các biện pháp như sau:

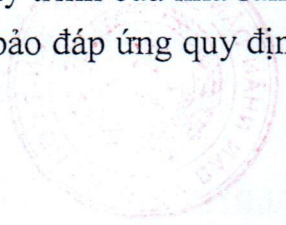
- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ.
- Vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của Trạm cấp nước để giảm thiểu bụi cuốn theo các phương tiện vận chuyển.
- Phương tiện vận chuyển có khả năng phát sinh bụi lớn phải được đóng kín thùng xe, phủ bạt để hạn chế phát sinh bụi ra ngoài môi trường.

2. Biện pháp giảm thiểu tác động mùi hôi từ bể phốt

- Khí sinh ra từ bể phốt được thu gom bằng ống nhựa dẫn lên cao 1m để khuếch tán mùi ra khu vực xung quanh, vị trí đặt ống xa khu văn phòng, thoáng mát.
- Trồng cây xanh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí. Các loại cây được trồng có thể lựa chọn nhiều loại và kết hợp nhiều mục đích như: các loại cây ăn quả, cây cảnh...
- Định kỳ bổ sung men vi sinh để tăng cường quá trình xử lý nước thải của công trình bể tự hoại: Men xử lý bể phốt DW 09; Trọng lượng: 180g/gói. Định mức sử dụng: 180g cho 1m³ bể một lần trong 4 tháng hoặc đổ dự phòng 06 tháng 1 lần.
- Sử dụng ống nhựa PVC kín để dẫn nước thải tránh phát sinh mùi ra môi trường xung quanh.

C. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường không khí.

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế của nhà sản xuất, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hỏng hóc.
 - Bảo dưỡng thay thế thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.
 - Không khí trong khu vực phải đảm bảo đáp ứng quy định của pháp luật về chất lượng không khí nơi làm việc.
- 

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 149/GPMT-UBND ngày 30/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Không.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt đệm cao su chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Các máy móc phải thường xuyên bảo dưỡng định kỳ.
- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có mức ồn thấp.
- Những khu vực để thiết bị, máy móc có độ ồn, độ rung lớn được bố trí trong phòng kín có tường gạch dày để tăng hiệu quả cách âm của thiết bị.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn cao, phải được trang bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.
- Tiếp tục trồng nhiều cây xanh xung quanh Trạm cấp nước, các bãi trồng để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn và ngăn bụi phát tán ra bên ngoài Trạm đồng thời còn tạo thẩm mỹ và cảnh quan môi trường. Tỷ lệ diện tích đất trồng cây xanh trong cơ sở từ 20 - 40% trở lên.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 149/GPMT-UBND ngày 30/5/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg)	Biện pháp lưu giữ	Phương pháp xử lý	Ghi chú
Hóa chất thí nghiệm test nhanh	191001	2		Thu gom thuê đơn vị đủ chức năng vận chuyển và xử lý	
Tổng		2			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:
Không

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 0,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Lưu giữ trong 01 can chứa 20l có nắp kín. Các thùng chứa có dán nhãn, dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được bố trí tại khu vực Trạm đã tận dụng phòng định lượng Javen với kích thước L x B x H 3m x 2,8m x 28,7m để lưu trữ chất thải nguy hại và đề xuất phát sinh chất thải nguy hại trong báo cáo. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tuân thủ theo Quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mặt sàn trong khu vực lưu trữ chất thải nguy hại đảm bảo khít kín, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý CTNH quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Không

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong 03 thùng rác, dung tích 50l:

+ 01 thùng đựng chất thải gắn nhãn có thể tái chế, tái sử dụng như giấy, nhựa, kim loại... định kỳ bán cho cơ sở thu mua phế liệu;

+ 01 thùng đựng thức ăn thừa, rau, củ quả.. có thể dùng làm thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm hoặc làm phân bón;

+ 01 thùng đựng rác thải không thể đốt được như sành sứ, thủy tinh, vải, gỗ, túi nilon...

2.3.2. Khu vực lưu chứa

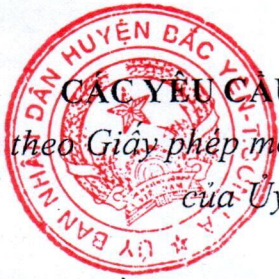
- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa và cuối ngày rác được thu gom tập trung vào khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt chung của địa phương.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. *ch*

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1149/GPMT-UBND ngày 30/5/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên)



- Đảm bảo về độ trung thực, chính xác các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Thực hiện chương trình quản lý môi trường, giám sát môi trường như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B - C trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là rãnh thoát nước chung của khu vực.
- Cam kết đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật trường hợp gây ra sự cố môi trường.
- Cam kết trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường, chủ cơ sở có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan đến dự án.
- Cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn chuẩn bị và xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.
- Cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện khi dự án đi vào vận hành chính thức.
- Cam kết hạn chế đến mức tối đa việc phát sinh bụi, tiếng ồn làm ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt của nhân dân.
- Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của Dự án theo quy định của pháp luật./.